TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-04-2021
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chau Cương;

Ông Trần Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: ông Châu Kim Sol, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Nèang Sa Men – kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977. Nơi trú trú: ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: anh Võ Thanh S, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp H, xã H1, huyện T, An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: chị T và anh S được hai gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn; sau khi cưới vợ chồng chị sống tại xã H1, huyện T, An Giang; cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, có với nhau hai đứa on chung. Thời gian sau phát sinh mâu Thuẫn, không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng về quan điểm sống, chị T đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn cùng chung sống nhưng không được, chị và anh S đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm, không liên lạc với nhau, mạnh ai nấy sống.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên tôi yêu cầu ly hôn với anh Võ Thanh S.

- Về con chung: có hai đứa con chung tên Võ Văn G, sinh ngày 09/5/1998 và Võ Văn C, sinh ngày 20/02/2003, các con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có.

2. Lời khai của bị đơn anh Võ Thanh S tại Tòa án như sau:

Thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian chung sống với nhau cũng như mâu Tẫn giữa vợ chồng.

- Về hôn nhân: anh và chị T được hai gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống tại xã H1, huyện T, An Giang; cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc.

Thời gian sau thì cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu Tẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh và chị T đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn cùng chung sống nhưng không được và kể từ khoảng năm 2011 - 2012 chị T đã bỏ anh đi cho đến nay, giữa anh và chị T không còn quan tâm, không liên lạc cho nhau, mạnh ai nấy sống.

Nay chị T xin ly hôn, anh S đồng ý.

- Về con chung: anh S và chị T có với nhau hai đứa con chung tên Võ Văn G, sinh ngày 09/5/1998 và Võ Văn C, sinh ngày 20/02/2003, các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh Võ Thanh S vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) và không ai cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng gì thêm.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa chị T với anh S không còn hạnh phúc. Hơn nữa, chị T với anh S sống chung với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn hô thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh S.

+ Về quan hệ con chung: có hai đứa con chung tên Võ Văn G, sinh ngày 09/5/1998 và Võ Văn C, sinh ngày 20/02/2003, con chung trưởng thành, có nghề nghiệp tự nuôi mình nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và theo nơi cư trú của bị đơn anh S tại ấp H, xã H1, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Võ Thanh S vắng mặt tại phiên Tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S được xác lập vào năm 1997, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đã thay thế Luật hôn nhân và gia đình năm 1986) để giải quyết theo quy định tại Điều 109 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh S và T kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2000, nhưng không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 nên trường hợp này, chị T, anh S có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị T và anh S.

[5] Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Võ Thanh S có hai đứa con chung tên Võ Văn G, sinh ngày 09/5/1998 và Võ Văn C, sinh ngày 20/02/2003. Theo lời trình bày của các đương sự thì các con chung đều đã trưởng thành và cùng có nghề nghiệp tự nuôi sống mình, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung đề nghị Hồi đồng xét xử giải quyết là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Chị Nguyễn Thị T là người xin ly hôn nên phải chịu án dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

- Anh Võ Thanh S không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Võ Thanh S là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số: TU/2019/0006219 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKS huyện Tịnh Biên;
- THA huyện Tịnh Biên;
- Lưu Vt + Hs.

Châu Nam Phú

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- Tòa án tỉnh (1);
- THA huyện (1);
- Lưu vp, hs (2).

Châu Nam Phú

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH ANG GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Tịnh Biên, ngày 20 tháng 04 năm 2021*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ….. giờ ….phút, ngày 20 tháng 04 năm 2021.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Anh Châu Nam Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Cương;

2. Ông Trần Thanh Hoàng.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về "Xin ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Neàng Hồng, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ 5, ấp Phú Nhứt, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Chau S, sinh năm: 1980, nơi cư trú: tổ 5, ấp Phú Nhứt, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về quan hệ pháp luật: *"Tranh chấp ly hôn":* Biểu quyết 3/3

- Về áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Chau S và bà Neàng Hồng là vợ chồng.

Biểu quyết 3/3

2. Về con chung: Bà Neàng Hồng được quyền nuôi 03 (ba) đứa con chung tên Chau Ly Hua, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2004; Neàng Srây Ník, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2008; Chau Hang Niek, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2012.

Anh Chau S không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Bà Neàng Hồng cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng Giang việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

Biểu quyết 3/3

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Neàng Hồng phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số: TU/2015/0014607 ngày 09 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Biểu quyết 3/3

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Biểu quyết 3/3

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc …. giờ ….. phút, ngày 20 tháng 04 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nam Phú